

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO L
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 44/2023/DS- ST

Ngày: 06-9-2023.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng*

dân sự vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: bà **Vũ Thị Thúy Thành**

Các Hội thẩm nhân dân: ông **Phạm Đức Minh**

bà **Nguyễn Thị Tài**

- Thư ký phiên Tòa: ông **Trương Quang Vũ**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L tham gia phiên tòa: không.

Hôm nay, ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 114/2023/TLST- DS ngày 11 tháng 7 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà **Trần Mỹ H**, sinh năm 1974. Có mặt

Địa chỉ: số 44 đường 28/3 phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

2. Bị đơn: ông **Trần Văn T**, sinh năm 1963. Có mặt

Địa chỉ: thôn 8, xã Lộc An, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà **Trần Thị Tuyết N**, sinh năm 1985. Địa chỉ: 210/27 Trần Hưng Đạo, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

4. Người làm chứng: bà **Đặng Thị Cẩm B**, sinh năm 1975

Địa chỉ: 19 Lê Thị Hồng Gấm, phường 01, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. có đơn xin vắng mặt

Bà **Bàn Thị K**, sinh năm 1986

Địa chỉ: phường B’Lao, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07-7-2023 cùng những lời trình bày của nguyên đơn thể hiện: ngày 10/10/2022 bà H có cho ông T vay số tiền 500.000.000 đồng, hai bên có viết giấy nhận nợ, chữ viết trên giấy vay nợ do bà Trần Thị Tuyết N (con gái ông

T viết), ông T ký vào bên người mượn tiền, khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả nợ ông T hẹn lại 1 tháng kể từ ngày vay sẽ trả trước cho bà H số tiền vay 300.000.000 đồng, số tiền còn lại 200.000.000 đồng sẽ trả sau 01 tháng kể từ ngày trả số tiền 300.000.000 đồng, bà H giao tiền mặt đầy đủ cho ông T. Tới hạn trả nợ bà H yêu cầu ông T trả tiền gốc và lãi cho bà H nhưng ông T không trả. Quá trình khởi kiện bà H có yêu cầu ông T trả cho bà số tiền gốc là 500.000.000 đồng và lãi là 1,66%/tháng. Nay bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện về lãi chỉ yêu cầu ông T trả lãi là 0,83%/tháng kể từ ngày vay đến ngày 6/9/2023. Do vậy bà H yêu cầu ông T phải trả cho bà H số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng + lãi phát sinh 0.83%/tháng thời gian tính lãi từ ngày 10/10/2022 cho đến ngày 6/9/2023.

Ý kiến ông T: Ông T thừa nhận chữ ký trên giấy vay nợ ngày 10/10/2022 mà bà H khởi kiện ông là chữ ký của ông, nội dung trên giấy vay nợ cũng đúng như bà H trình bày, tuy nhiên do áp lực từ phía bà H nên ông chỉ ký nhận nợ thay cho con gái ông là Trần Thị Tuyết N, chứ ông không vay tiền cũng như không nhận một khoản tiền nào từ bà H. Do vậy, bà H khởi kiện ông T phải trả cho bà H số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng + lãi phát sinh 0.83%/tháng thời gian tính lãi từ ngày 10/10/2022 cho đến ngày 6/9/2023 thì ông T không đồng ý.

Ý kiến bà N: vào ngày 21/5/2022 bà N có vay của bà H số tiền 500.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng nhưng sau đó Ngân hàng không cho vay lại số tiền trên nên bà N không có tiền trả cho bà H, sau đó bà H gây áp lực ép ông T phải ký nhận vay số tiền 500.000.000 đồng của bà H, chứ thực chất ông T không vay hay nhận một khoản tiền nào từ bà H. Do vậy, bà H khởi kiện ông T phải trả cho bà H số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng + lãi phát sinh 0.83%/tháng thời gian tính lãi từ ngày 10/10/2022 cho đến ngày 6/9/2023 thì bà N đồng ý trả cho bà H số tiền này.

Tòa án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng hòa giải không thành.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền: nguyên đơn bà Trần Mỹ H khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn ông Trần Văn T phải trả số tiền vay là 500.000.000 đồng và lãi suất phát sinh nên xác định quan hệ “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” và thuộc thẩm quyền của Tòa án giải quyết theo quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Mỹ H, đối chiếu tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thấy rằng: Theo giấy vay tiền do bà H cung cấp cho Tòa án được đánh

số bút lục 26 thể hiện ngày 10/10/2022 ông Trần Văn T có vay của bà Trần Mỹ H số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận, đã nhận đủ tiền, ký và ghi họ tên là Trần Văn T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T thừa nhận chữ ký trên giấy vay nợ ngày 10/10/2022 mà bà H khởi kiện ông là chữ ký của ông, nội dung trên giấy vay nợ cũng đúng như bà H trình bày, mặc dù ông T trình bày do áp lực từ phía bà H nên ông chỉ ký nhận nợ thay cho con gái ông là Trần Thị Tuyết N, chứ ông không vay tiền cũng như không nhận một khoản tiền nào từ bà H, bà N đồng ý trả cho bà H số tiền này, vì bà N cho rằng bà vay số tiền này của bà H chứ ông T không liên quan gì đến số tiền này, ông T chỉ ký nhận nợ thay cho bà N. Tuy nhiên, qua xem xét các chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và Tòa án thu thập cùng lời trình bày của các đương sự thì thấy rằng ông T đã ký trên giấy vay nợ ngày 10/10/2022 để vay bà Trần Mỹ H số tiền 500.000.000 đồng, ông T trình bày chỉ ký nhận nợ thay cho con gái là bà N và xuất trình 01 hợp đồng vay tiền đáo hạn Ngân hàng (đã bị xé bỏ) ngày 31/5/2022 cho rằng bà H có cho bà N vay số tiền 500.000.000 đồng, sau đó Ngân hàng không cho vay lại số tiền trên nên bà N không có tiền trả cho bà H, sau đó bà H gây áp lực ép ông T phải ký nhận vay số tiền 500.000.000 đồng của bà H nhưng ông T không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc này và bà H cũng không thừa nhận việc ông T ký giấy nhận nợ thay cho bà N, hơn nữa việc vay nợ giữa bà H và bà N là quan hệ vay mượn khác, bà N đã trả hết nợ cho bà H nên bà H đã xé bỏ giấy vay nợ, hiện nay bà N không còn nợ bà H một khoản tiền nào, còn việc bà H cho ông T vay tiền không liên quan gì đến bà N, nên bà N đồng ý trả tiền cho bà H thì bà H không đồng ý, do vậy áp dụng các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, cần buộc ông T có trách nhiệm trả cho bà H số tiền vay nợ gốc là 500.000.000 đồng.

[3] Về lãi suất áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cần buộc ông T phải chịu lãi xuất như sau: Số tiền vay 500.000.000 đồng ngày 10/10/2022 tính lãi là 500.000.000 đồng x 0,83% x 10 tháng 26 ngày = 45.096.000 đồng (Thời gian tính lãi từ ngày 10/10/2022 đến ngày 06/9/2023).

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do ông T phải trả cho bà H 500.000.000 đồng tiền vay và 45.096.000 đồng tiền lãi nên ông T phải nộp 25.803.840 đồng án phí DSST (20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

1/ Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Mỹ H** về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với ông **Trần Văn T**.

Buộc ông Trần Văn T có trách nhiệm trả cho bà Trần Mỹ H 545.096.000 (Năm trăm bốn mươi lăm triệu không trăm chín mươi sáu ngàn) đồng, trong đó 500.000.000 đồng tiền vay và 45.096.000 đồng tiền lãi.

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

2/**Về án phí:** căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Trần Văn T phải nộp 25.803.840 đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Bà Trần Mỹ H được nhận lại số tiền 13.494.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012929 ngày 11/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo L.

3/ **Về quyền kháng cáo:** Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

(Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chỉ được quyền kháng cáo phần có liên quan).

“Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THADS huyện Bảo L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thúy Thành

